TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST Ngày: 04/6/2024 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Thỏ

Bà Trần Thị Mỹ Xuân

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Khánh Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn A, sinh năm 2003 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã V, huyện VT, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Anh Trương Q, sinh năm 1999 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 06/02/2024, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn A trình bày:

Bà và ông Trương Q được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn vào ngày 07/4/2021 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng bà sống rất vui vẻ, hạnh phúc, thời gian về sau bà và ông Q phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông Q quen người khác, vợ chồng không còn thương yêu, bà và ông Q đã ly thân với nhau từ tháng 01/2024 đến nay. Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Trương Q.

Về con chung: Bà và ông Trương Q có một con chung tên Trương D, sinh ngày 10/01/2021, hiện nay cháu D đang sống với bà, bà yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con nữa.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/ Tại phiên tòa bị đơn ông Trương Q trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn A được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới, ông và bà A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Hai vợ chồng sống chung đã có một con chung là cháu Trương D, sinh ngày 10/01/2021, hiện nay cháu D đang sống với bà A. Quá trình sống chung thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau, sau khi cãi nhau thì bà A bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, ly thân với nhau từ tháng 01/2024 đến nay. Tại phiên tòa ông cũng đồng ý ly hôn với bà Nguyễn A. Về con chung ông thống nhất giao con chung cháu Trương D, sinh ngày 10/01/2021 cho bà A nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con, đi làm có tiền ông tự cho con. Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng ông không yêu cầu xem xét.

3/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn có mặt đã chấp hành đúng quy định triệu tập của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà A được ly hôn với ông Q. Về con chung: Giao cháu Trương D, sinh ngày 10/01/2021 cho bà A nuôi dưỡng; Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông Q theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: bà A không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn A vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Q và bà Nguyễn A là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà A là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong

cuộc sống hôn nhân giữa ông Q và bà A, theo bà A cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông Q quen người khác, bà thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau như vợ chồng được nữa nên nhất định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Trương Q; Còn ông Q trình bày giữa ông và bà A cũng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến hai vợ chồng ly thân với nhau từ tháng 01/2024 đến nay cũng không có liên lạc với nhau, tại phiên tòa thì ông cũng đồng ý ly hôn với bà A. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của ông Q và bà A đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, ly thân với nhau từ tháng 01/2024 đến nay không ai quan tâm đến ai, bà A yêu cầu ly hôn, ông Q cũng đồng ý ly hôn, tình trạng mâu thuẫn giữa ông Q và bà A là trầm trọng không thể khắc phục. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A, cho bà A được ly hôn với ông Q.

[3] Về con chung: Ông Trương Q và bà Nguyễn A có một con chung là cháu Trương D, sinh ngày 10/01/2021, theo bà A và ông Q thống nhất trình bày thì hiện nay cháu D đang sống chung với bà A, bà A có nguyện vọng nuôi con, ông Q cũng thống nhất giao con cho bà A nuôi dưỡng. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".* Giữa ông Q và bà A thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giao con chung cho bà A nuôi, phù hợp môi trường sống của cháu D, không làm xáo trộn môi trường sống của cháu D và không làm ảnh hướng đến tâm lý của cháu D cho nên Hội đồng xét xử ghi nhận và quyết định giao cháu D cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho ông Q không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 002585 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Ông Trương Q không phải chịu án phí.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn A.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn A được ly hôn với ông Trương Q.

2/ Về con chung: Giao cháu Trương D, sinh ngày 07/4/2021 cho bà Nguyễn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Ông Trương Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 002585 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Ông Trương Q không phải chịu án phí.

6/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã T, TXNN;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký và đóng dấu

Đặng Thị Vàng